

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH

**NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN
NGÂN HÀNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG
ĐIỀU KIỆN ĐỘ MỞ THƯƠNG MẠI VÀ LẠM PHÁT:
BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

TP. Hồ Chí Minh - Năm 2021

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Tài chính – Marketing

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS. Trần Huy Hoàng

Người hướng dẫn khoa học 2: PGS.TS Huỳnh Quang Linh

Phản biện độc lập 1 :

Phản biện độc lập 2 :

Phản biện 1 :

.....

Phản biện 2 :

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường họp tại.....

Vào hồi.....giờ..... Ngày..... tháng..... năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện.....

- Thư viện.....

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU	1
1.1 Lý do chọn đề tài	1
1.2 Mục tiêu nghiên cứu	1
1.3 Phương pháp nghiên cứu	2
1.4 Những đóng góp mới của luận án.....	3
1.4.1 Về mặt khoa học.....	3
1.4.2 Về mặt thực tiễn	3
CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG, TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, ĐỘ MỞ THƯƠNG MẠI, LẠM PHÁT VÀ CÁC NGHIÊN CỨU TRƯỚC LIÊN QUAN	4
2.1 Phát triển ngân hàng	4
2.2 Tăng trưởng kinh tế	5
2.3 Độ mở thương mại.....	5
2.4 Lạm phát.....	5
2.5 Lược khảo các công trình nghiên cứu thực nghiệm có liên quan	5
2.5.1 Mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế.....	5
2.5.2 Mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và độ mở thương mại	6
2.5.3 Mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và lạm phát.....	6
2.5.4 Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và độ mở thương mại	7
2.5.5 Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát.....	7
2.5.6 Độ mở thương mại với mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế.....	8
2.5.7 Lạm phát với mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế	8
2.6 Khoảng trống nghiên cứu	9
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	10
3.1 Phương pháp ước lượng.....	10

3.2 Mô hình nghiên cứu thực nghiệm.....	10
3.3 Các biến trong mô hình thực nghiệm.....	11
CHƯƠNG 4: TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	12
4.1 Kiểm định đồng liên kết	12
4.2 Kết phân tích mô hình	13
4.3 Kiểm định tính vững (robustness)	16
4.4 Kết quả xác định điểm gãy cấu trúc.....	17
4.5 Kết quả hồi quy ngưỡng	18
4.5.1 Điểm ngưỡng độ mở thương mại.....	18
4.5.2 Điểm ngưỡng lạm phát	19
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH	20
5.1 Kết luận	20
5.2 Hàm ý chính sách	20
5.2.1 Hàm ý chính sách phát triển ngân hàng.....	20
5.2.2 Hàm ý chính sách mở rộng độ mở thương mại	21
5.2.3 Hàm ý định hướng chính sách lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.....	23
5.2.4 Xây dựng kịch bản ứng phó với các cú sốc và những bất ổn tài chính, thương mại bên ngoài	23
5.3 Hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu trong tương lai	24
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1 Mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu thực nghiệm.....	11
Bảng 4.1: Kết quả kiểm định đồng liên kết	12
Bảng 4.2: Tổng hợp kết quả phân tích.....	13
Bảng 4.3 : Kết quả kiểm định tính vững bằng phương pháp FMOLS.....	16
Bảng 4.4: Kết quả kiểm tra điểm gãy cấu trúc	17
Bảng4.5: Kết quả điểm ngưỡng độ mở thương mại	18
Bảng 4.6: Kết quả điểm ngưỡng lạm phát	19

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1 Quy trình phân tích tổng quát chuỗi thời gian10

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

1.1 Lý do chọn đề tài

Vai trò của hệ thống tài chính đối với tăng trưởng kinh tế đã thu hút và nhận được sự quan tâm của các học giả và các nhà hoạch định chính sách (Ndikumana 2001) trong suốt một thời gian dài. Hai bộ phận quan trọng của hệ thống tài chính đó là thị trường tài chính và ngân hàng (Mankiw và Ball, 2011). Cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế có thể nói được bắt nguồn từ công trình nghiên cứu của Schumpeter (1911) trong đầu thế kỷ 20. Schumpeter khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống tài chính đến tăng trưởng kinh tế. Trong đó, ông nhấn mạnh vai trò của ngân hàng là yếu tố quyết định cho tăng trưởng kinh tế do vai trò quan trọng của hệ thống ngân hàng trong việc phân bổ vốn, khuyến khích đổi mới và tài trợ cho các khoản đầu tư có hiệu quả. Bên cạnh đó, Shangquan (2000) cho rằng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu như hiện nay, việc tăng cường hợp tác, gia nhập các tổ chức thương mại trong khu vực và thế giới là xu thế phát triển kinh tế tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Coe và Helpman (1995), Romer (1990) đã thừa nhận độ mở thương mại có ảnh hưởng quan trọng đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, Feldkircher và Siklos (2019) cho rằng hoạt động thương mại quốc tế cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến lạm phát. Kiểm soát ổn định lạm phát để tăng trưởng kinh tế là trọng tâm của các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển (Samimi và cộng sự, 2011).

Từ những phân tích trên, luận án thực hiện *“Nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát – Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam”*.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là kiểm định mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và

lạm phát tại Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận án sẽ giải quyết các mục tiêu cụ thể sau:

✓ Chứng minh sự tồn tại mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam.

✓ Xác định điểm gãy cấu trúc trong mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam. Điểm gãy cấu trúc được sử dụng để kiểm chứng sự ảnh hưởng của cú sốc kinh tế bên ngoài đến mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

✓ Xác định giá trị ngưỡng của độ mở thương mại và lạm phát để đánh giá sự tác động của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

✓ Từ kết quả nghiên cứu, đề xuất các hàm ý chính sách nhằm định hướng phát triển ngân hàng, mở rộng độ mở thương mại và kiểm soát lạm phát để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

1.3 Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp kế thừa để nghiên cứu các tài liệu liên quan, từ đó phân tích và tổng hợp nhằm xây dựng tổng quan lý thuyết và mô hình nghiên cứu.

- Phương pháp thống kê để thu thập, xử lý dữ liệu nhằm hoàn thiện dữ liệu nghiên cứu của luận án.

- Phương pháp thực nghiệm: sử dụng phần mềm Stata 15 để ước lượng các mô hình hồi quy như ARDL, VAR, kiểm định nhân quả Granger, xác định điểm gãy cấu trúc, hồi quy ngưỡng nhằm chứng minh mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát cũng như kiểm tra liệu mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam có bị ảnh hưởng bởi cú sốc kinh tế xảy ra trên toàn cầu và xác định được giá trị ngưỡng của độ mở thương mại

và lạm phát để đánh giá sự tác động của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

- Phương pháp diễn giải để phân tích, thảo luận kết quả nghiên cứu. Từ đó, làm cơ sở đề xuất các hàm ý chính sách.

1.4 Những đóng góp mới của luận án

1.4.1 Về mặt khoa học

Luận án hệ thống hoá các lý thuyết nền tảng về nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát.

Là một trong số ít các nghiên cứu về mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển. Bởi vì, hầu như nghiên cứu trước đó được thực hiện khám phá mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia có nền kinh tế phát triển.

Là nghiên cứu đầu tiên chứng minh sự ảnh hưởng của cú sốc kinh tế bên ngoài đến mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

Là nghiên cứu đầu tiên cung cấp bằng chứng về việc xác định cụ thể một giá trị ngưỡng của độ mở thương mại và lạm phát để đánh giá sự tác động của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

1.4.2 Về mặt thực tiễn

Luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới cho mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm của luận án đã kiểm chứng sự tồn tại mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam, cũng như xác định sự tồn tại của một cú sốc kinh tế bên ngoài tác động đến mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam vào năm 2008.

Đồng thời, luận án còn phát hiện với độ mở thương mại nhỏ hơn 32,86%, cho thấy phát triển ngân hàng không góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Tuy nhiên, với độ mở thương mại lớn hơn 32,86%, cho thấy phát triển ngân hàng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Trong khi đó, với tỷ lệ lạm phát dưới ngưỡng 9,19% thì phát triển ngân hàng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua tín dụng trong nước cho khu vực tư nhân. Và ngược lại, với tỷ lệ lạm phát trên ngưỡng 9,19% tìm thấy sự tác động tích cực của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế thông qua biên độ chênh lệch lãi suất. Do vậy, kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp bằng chứng thuyết phục nhất làm cơ sở đề xuất các hàm ý chính sách về phát triển ngân hàng, gia tăng độ mở thương mại và kiểm soát lạm phát để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG, TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, ĐỘ MỞ THƯƠNG MẠI, LẠM PHÁT VÀ CÁC NGHIÊN CỨU TRƯỚC LIÊN QUAN

2.1 Phát triển ngân hàng

Rudar (2014) đã định nghĩa phát triển ngân hàng là một quá trình cải tiến về số lượng, chất lượng và hiệu quả của dịch vụ ngân hàng. Hay nói cách khác, phát triển ngành ngân hàng là một quá trình đánh dấu sự cải thiện về số lượng, chất lượng và hiệu quả của dịch vụ ngân hàng có liên quan đến thu nhập quốc dân (GDP). Theo Mihail (2014), phát triển ngân hàng là một khái niệm phức tạp nên để xét phát triển ngân hàng thì xét trong mối tương quan đóng góp nhiều nhất với sự tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, theo ông phát triển ngân hàng là các biện pháp của hoạt động ngân hàng, quy mô ngân hàng và hiệu quả ngân hàng gắn với tăng trưởng kinh tế. Còn Levine (2005), phát triển ngân hàng là sự cải thiện của hệ thống ngân hàng trong việc thực hiện các chức năng bao gồm: tích lũy và phân bổ vốn cho đầu tư sản xuất; giám sát các khoản đầu tư; phân tán rủi ro và trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Trong khi đó, Hartmann (2007), phát triển ngân hàng là một quá trình đổi mới, cải thiện

về thể chế và tổ chức trong hệ thống để làm giảm thông tin bất đối xứng và tăng khả năng ký kết hợp đồng, giảm chi phí giao dịch và tăng khả năng cạnh tranh.

2.2 Tăng trưởng kinh tế

Simon Kuznet (1996) cho rằng tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng bền vững về sản phẩm tính theo đầu người. Còn Douglass C. North và Robert Paul Thomas (1973), tăng trưởng kinh tế xảy ra nếu sản lượng tăng nhanh hơn dân số. Với Blanchard (2000), tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất bởi nền kinh tế của một quốc gia trong một khoảng thời gian cụ thể hay nói cách khác tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản lượng quốc dân (GNP).

2.3 Độ mở thương mại

Theo Pritchett (1996), độ mở thương mại được định nghĩa đơn giản là cường độ giao dịch thương mại quốc tế của một quốc gia. Trong khi đó, Serap (2019) định nghĩa độ mở thương mại là biểu hiện của việc tự do hay giới hạn về thương mại của một quốc gia với các quốc gia còn lại trên thế giới.

2.4 Lạm phát

Harry G. Johnson (2006) đã định nghĩa lạm phát là sự gia tăng đáng kể về giá. Trong khi đó, lạm phát được xem như là một hiện tượng của tiền tệ được nhà kinh tế học Friedman (1963) định nghĩa lạm phát luôn luôn xuất hiện và ở khắp mọi nơi như một hiện tượng tiền tệ.

2.5 Lược khảo các công trình nghiên cứu thực nghiệm có liên quan

2.5.1 Môi quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế

Fung (2009) nhận thấy các nước nghèo với một hệ thống tài chính suy yếu sẽ bị mắc kẹt trong một vòng luẩn quẩn ở cả lĩnh vực ngân hàng và thị trường chứng khoán, dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp mà hiệu quả kinh tế thấp dẫn đến sự phát triển tài chính thấp. Một hệ thống tài chính được giám sát không đầy đủ có thể dễ bị khủng hoảng, với tác động tàn phá tiềm tàng nền kinh tế (Moshirian và Wu, 2012). Ngược lại, một hệ thống tài chính hiệu quả,

với sự phát triển tốt cả về ngành ngân hàng và thị trường chứng khoán sẽ cung cấp dịch vụ tài chính tốt hơn, cho phép nền kinh tế tăng tốc độ tăng trưởng (King và Levine, 1993). Các kết quả nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế đã được chứng minh và phân loại thành ba nhóm về chiều hướng mối quan hệ đó là mối quan hệ theo giả thuyết supply – leading hypothesis¹, mối quan hệ theo giả thuyết demand – following hypothesis² và mối quan hệ theo giả thuyết feedback hypothesis³.

2.5.2 Mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và độ mở thương mại

Nghiên cứu tác động của độ mở thương mại ảnh hưởng đến sự phát triển tài chính, Rajan và Zingales (2003) đã thấy rằng độ mở thương mại thúc đẩy phát triển tài chính bởi. Do và Levchenko (2007) cho thấy mô hình thương mại được mỗi nước theo đuổi có thể ảnh hưởng đến tốc độ phát triển tài chính. Đặc biệt là các nước có lợi thế so sánh về hàng hóa mà để sản xuất hàng hóa này có nhu cầu nhiều từ sự hỗ trợ tài chính bên ngoài sẽ thúc đẩy phát triển tài chính. Còn với các nước chủ yếu xuất khẩu hàng hóa không phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ tài chính bên ngoài sẽ có tốc độ phát triển tài chính chậm hơn. Tuy nhiên, Baltagi và các cộng sự (2009), lại thấy rằng độ mở thương mại có liên quan tiêu cực với độ mở tài chính. Bên cạnh đó, Aizenman và Noy (2009) đã tìm thấy có mối quan hệ phản hồi giữa độ mở thương mại và tài chính. Trong khi đó, Gries và các cộng sự (2009), không xác định được bất kỳ mối quan hệ nào giữa độ mở thương mại và phát triển tài chính ở các nước này.

2.5.3 Mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và lạm phát

Sự ảnh hưởng của lạm phát cũng là một yếu tố quan trọng khác quyết định đến phát triển ngân hàng thông qua hiệu suất hoạt động kinh doanh của

¹ Luận án tạm dịch supply – leading hypothesis là giả thuyết cung dẫn dắt;

² Demand – following hypothesis là giả thuyết cầu nối tiếp;

³ Feedback hypothesis là giả thuyết phản hồi.

ngân hàng. Perry (1992) khẳng định rằng tác động của lạm phát về hiệu quả hoạt động ngân hàng phụ thuộc vào việc tỷ lệ lạm phát có được dự đoán trước hay không lường trước được. Trong trường hợp lạm phát được dự đoán đầy đủ và lãi suất được điều chỉnh phù hợp thì tác động của lạm phát đến lợi nhuận của ngân hàng là tích cực. Ngược lại, lạm phát tăng bất ngờ sẽ gây ra khó khăn về dòng tiền cho người đi vay nên có thể dẫn đến việc chấm dứt khoản vay sớm và dẫn đến thu nhập của ngân hàng từ việc cho vay sẽ thấp.

2.5.4 Môi quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và độ mở thương mại

Tương tự như các nghiên cứu về mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và độ mở thương mại cũng có các quan điểm giả thuyết khác nhau. Giả thuyết đầu tiên là tăng trưởng kinh tế là do độ mở thương mại. Những nhà nghiên cứu ủng hộ giả thuyết này là Bojanic (2012), Yavari và Mohseni (2012), Muhammad và cộng sự (2012). Giả thuyết thứ hai, Bajwa và Siddiqi (2011), Konya (2006) ủng hộ giả thuyết thứ hai cho rằng độ mở thương mại là do tăng trưởng kinh tế, mối quan hệ nhân quả chạy từ tăng trưởng kinh tế đến độ mở thương mại. Giả thuyết thứ ba là giả thuyết phản hồi, Awokuse (2008), Konya (2006), Din (2004) cho thấy tăng trưởng kinh tế và độ mở thương mại có thể bổ sung và củng cố lẫn nhau nên độ mở thương mại và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ nhân quả.

2.5.5 Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Kết quả thực nghiệm về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế được chia thành năm nhóm: lạm phát không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến tăng trưởng kinh tế (Malla (1997), Chimobi (2010), Paul và cộng sự (1997)); lạm phát có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế (Mallik và Chowdhury 2001); lạm phát có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế (Bruno và Easterly (1998), Gillman và cộng sự (2004), Erbaykal và Okuyan (2008)); lạm phát tác động đến tăng trưởng kinh tế ở các ngưỡng cụ thể (Khan và Senhadji (2001), Gylfason và Herbertsson (2001), Mubarik và Riazud

(2005), Hwang và Wu (2011), Nell (2000), Leshero (2012)); và tăng trưởng kinh tế gây ra lạm phát (Tabi và Ondo (2001)). Bên cạnh đó, Khan và Senhadji (2001) đã tìm thấy lạm phát tác động đến tăng trưởng kinh tế ở các ngưỡng cụ thể

2.5.6 Độ mở thương mại với mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế

Độ mở thương mại có thể kích thích sự tăng trưởng kinh tế thông qua việc mở rộng khả năng tiếp cận thị trường có thu nhập cao với quy mô lớn cũng như có khả năng tiếp cận trình độ khoa học kỹ thuật cao với chi phí thấp. Tuy nhiên, độ mở thương mại cũng có thể dẫn đến tình trạng nền kinh tế dễ bị tổn thương hơn thông qua các cú sốc về thương mại hoặc các cú sốc về tài chính (Yanikkaya, 2003). Mặc dù các nghiên cứu của Edwards (1998), Frankel và Romer (1999), Dufrenot và các cộng sự (2010) nhấn mạnh vai trò quan trọng của độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế.

2.5.7 Lạm phát với mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế

Rousseau và Wachtel (2002), đã phát hiện rằng lạm phát ảnh hưởng đến độ sâu tài chính và ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng. Rousseau và Wachtel (2002) cũng đã xác định ngưỡng lạm phát cho mối quan hệ giữa tài chính và tăng trưởng và đã nhận thấy rằng tài chính chỉ ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng khi lạm phát hàng năm có thể nằm trong ngưỡng 13% đến 25%. Khi lạm phát vượt ngưỡng, tài chính không còn tác dụng làm tăng trưởng kinh tế, đồng thời nghiên cứu còn phát hiện độ sâu tài chính thay đổi tỷ lệ nghịch với lạm phát trong môi trường lạm phát thấp và giảm phát sẽ có tác động tích cực của độ sâu tài chính đối với tăng trưởng. Kế thừa và mở rộng công trình nghiên cứu của Rousseau và Wachtel (2001), Rousseau và Yilmazkuday (2009) thông qua cách tiếp cận phân tích hồi quy ngưỡng đã thấy rằng khi tỷ lệ lạm phát nằm trong khoảng từ 4% đến 19%, thì mối quan hệ tài chính-tăng

trường ít bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, vượt qua ngưỡng này thì tăng trưởng kém và tài chính bị kìm hãm.

Mostafa Sargolzaei và cộng sự (2019) khi nghiên cứu vai trò của lạm phát trong mối quan hệ giữa phát triển tài chính đối với tăng trưởng kinh tế ở các nước OPEC trong giai đoạn từ năm 1970 đến năm 2015 đã nhận thấy khi tỷ lệ lạm phát vượt quá ngưỡng 20,33% thì tác động của phát triển tài chính đến tăng trưởng kinh tế trong các nền kinh tế OPEC sẽ giảm và thậm chí trở nên tiêu cực.

2.6 Khoảng trống nghiên cứu

Kết quả lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm trước tác giả nhận thấy còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu như sau:

Thứ nhất: Các nghiên cứu chỉ tập trung nghiên cứu vào mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển hoặc các nhóm nước ở các châu lục.

Thứ hai: Shangquan (2000) cho rằng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu như hiện nay, việc tăng cường hợp tác, gia nhập các tổ chức thương mại trong khu vực và thế giới là xu thế phát triển kinh tế tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Feldkircher và Siklos (2019) cho rằng hoạt động thương mại quốc tế cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến lạm phát, mà kiểm soát ổn định lạm phát để tăng trưởng kinh tế là trọng tâm của các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển (Samimi và cộng sự, 2011). Tuy nhiên, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát còn chưa được nghiên cứu đặc biệt ở các nước đang phát triển.

Thứ ba: Với các quốc gia, các châu lục khác nhau thì kết quả nghiên cứu khác nhau và tuân theo các quy luật khác nhau như nghiên cứu của Awdeh (2012), Liang và Teng (2006). Như vậy có thể thấy, kết quả nghiên cứu ở một quốc gia này hoặc một nhóm quốc gia rất khó để đưa ra các hàm ý chính sách áp dụng cho nước khác.

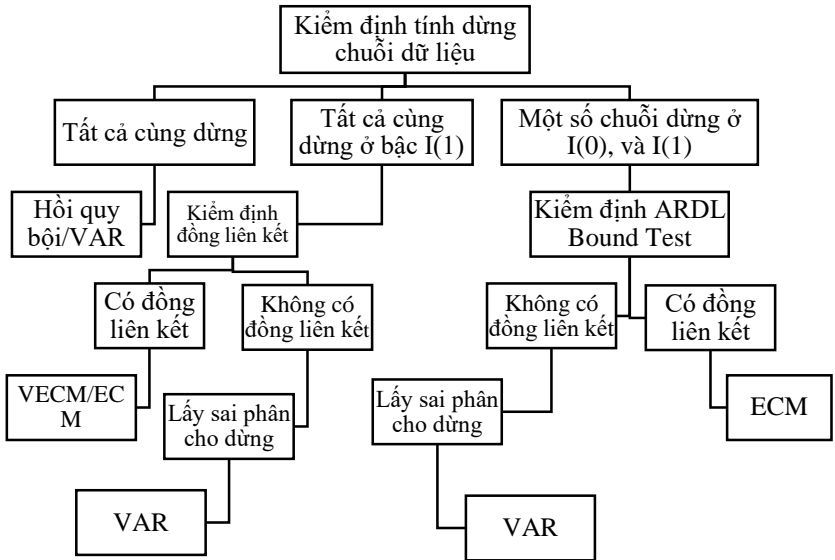
Thứ tư: các nghiên cứu trước còn bỏ ngỏ trong việc xác định cụ thể một giá trị ngưỡng của độ mở thương mại và lạm phát là bao nhiêu thì sẽ có ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế.

Thứ năm: đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào về mối quan hệ giữa giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Phương pháp ước lượng

Tác giả khái quát quy trình sử dụng trong luận án:



Hình 3.1 Quy trình phân tích tổng quát chuỗi thời gian

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

3.2 Mô hình nghiên cứu thực nghiệm

Mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát được biểu thị như sau:

$$GROWTH_t = \alpha_{10} + \beta_{11}BSD_t + \beta_{12}OPE_t + \beta_{13}INF_t + \beta_{14}OPE_t.BSD_t + \beta_{15}INF_t.BSD_t + \varepsilon_{1t} \quad (1)$$

$$BSD_t = \alpha_{20} + \beta_{21}GROWTH_t + \beta_{22}OPE_t + \beta_{23}INF_t + \beta_{24}OPE_t.GROWTH_t + \beta_{25}INF_t.GROWTH_t + \varepsilon_{2t} \quad (2)$$

Khi đó, mô hình ARDL-ECM có dạng:

$$\Delta GROWTH_t = \gamma_{10} + \sum_{i=1}^p \phi_{1i} \Delta GROWTH_{t-i} + \sum_{i=0}^q \beta_{1i} \Delta BSD_{t-i} + \sum_{i=0}^q \delta_{1i} \Delta OPE_{t-i} + \sum_{i=0}^q \gamma_{1i} \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=0}^q \psi_{1i} \Delta OPE_{t-i} . BSD_{t-i} + \sum_{i=0}^q \eta_{1i} \Delta INF_{t-i} . BSD_{t-i} + \alpha_1 ECM_{t-1} \quad (3)$$

$$\Delta BSD_t = \gamma_{20} + \sum_{i=1}^p \phi_{2i} \Delta BSD_{t-i} + \sum_{i=0}^q \beta_{2i} \Delta GROWTH_{t-i} + \sum_{i=0}^q \delta_{2i} \Delta OPE_{t-i} + \sum_{i=0}^q \gamma_{2i} \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=0}^q \psi_{2i} \Delta OPE_{t-i} . GROWTH_{t-i} + \sum_{i=0}^q \eta_{2i} \Delta INF_{t-i} . GROWTH_{t-i} + \alpha_2 ECM_{t-1} \quad (4)$$

Phương trình thể hiện điểm gãy có dạng sau:

$$GROWTH_t = \alpha_{10} + \beta_{11}BSD_t + \beta_{12}OPE_t + \beta_{13}INF_t + \beta_{14}OPE_t . BSD_t + \beta_{15}INF_t . BSD_t + \beta_{14}DU_t + \varepsilon_{1t} \quad (5)$$

Phương trình hồi quy ngưỡng cho độ mở thương mại và lạm phát:

$$GROWTH_t = (\alpha_{30} + \beta_{31}BSD_t + \beta_{32}OPE_t + \beta_{33}INF_t + \beta_{33}OPE_t . BSD_t + \beta_{34}INF_t . BSD_t) I[OPE_t \leq \gamma] \quad (6)$$

$$+ (\alpha_{40} + \beta_{41}BSD_t + \beta_{42}OPE_t + \beta_{43}INF_t + \beta_{44}OPE_t . BSD_t + \beta_{45}INF_t . BSD_t) I[OPE_t > \gamma] + \varepsilon_t$$

$$GROWTH_t = (\alpha_{30} + \beta_{31}BSD_t + \beta_{32}OPE_t + \beta_{33}INF_t + \beta_{34}OPE_t . BSD_t + \beta_{35}INF_t . BSD_t) I[INF_t \leq \gamma] \quad (7)$$

$$+ (\alpha_{40} + \beta_{41}BSD_t + \beta_{42}OPE_t + \beta_{43}INF_t + \beta_{44}OPE_t . BSD_t + \beta_{45}INF_t . BSD_t) I[INF_t > \gamma] + \varepsilon_t$$

3.3 Các biến trong mô hình thực nghiệm

Thông qua việc lược khảo, luận án đã tiến hành phân tích, xác định và lựa chọn các biến cho mô hình thực nghiệm như sau:

Bảng 3.1 Mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu thực nghiệm

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường	Đơn vị	Nguồn thu thập số liệu
Tăng trưởng kinh tế	GROWTH	Tốc độ tăng trưởng GDP thực	%	Tổng cục thống kê Việt Nam
Phát triển ngân hàng (BSD)				
Tỷ lệ tín dụng cho khu vực tư nhân do ngân hàng cung cấp	CRB	Tỷ lệ dư nợ tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân do ngân hàng cung cấp so với GDP	%	Quỹ tiền tệ quốc tế

Biên độ chênh lệch lãi suất tiền vay và tiền gửi	IRS	Lãi suất tiền vay trừ lãi suất huy động vốn (tiền gửi)	%	Quỹ tiền tệ quốc tế
Độ mở thương mại	OPE	Tỷ lệ giữa giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu so với GDP	%	Quỹ tiền tệ quốc tế
Lạm phát	INF	Đo lường bằng chỉ số giá tiêu dùng	%	Quỹ tiền tệ quốc tế

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

CHƯƠNG 4: TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Kiểm định đồng liên kết

Sau khi thực hiện thống kê mô tả, ma trận tự tương quan, kiểm định tính dừng và xác định độ trễ tối ưu. Tác giả tiếp tục kiểm định đồng liên kết bằng cách tính giá trị thống kê (F-stat) được đề xuất bởi by Pesaran, Shin, and Smith (2001) và được bổ sung bởi Narayan (2005). Kết quả như sau:

Bảng 4.1: Kết quả kiểm định đồng liên kết

Mô hình	ARDL	Giá trị thống kê F	Kết luận
Mô hình 1a	F(GROWTH)=(GROWTH/ CRB, OPE, INF, OPECRB, INFCRB)		
	(1,1,2,0,2,0)	3,317	Không có đồng liên kết
Mô hình 1b	F(GROWTH)=(GROWTH/ IRS, OPE, INF, OPEIRS, INFIRS)		
	(3,4,1,0,3,2)	2,011	Không có đồng liên kết
Mô hình 2a	F(CRB)=(CRB/ GROWTH, OPE, INF, OPEGROWTH, INFGROWTH)		
	(1,1,1,0,4,0)	1,839	Không có đồng liên kết
Mô hình 2b	F(IRS)=(IRS/ GROWTH, OPE, INF, OPEGROWTH, INFGROWTH)		

	(3,2,3,2,2,4)	9,937	Có đồng liên kết	
Giá trị tới hạn	Mức ý nghĩa 1%		Mức ý nghĩa 5%	
	Dưới	Trên	Dưới	Trên
	3,41	4,68	2.62	3.79

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Kết quả kiểm định đồng liên kết ở bảng 4.1 cho thấy:

- Đối với mô hình 1a, mô hình 1b và mô hình 2a đều có giá trị thống kê F nhỏ hơn giá trị giới hạn đường bao trên ở tất cả các mức ý nghĩa nên không tồn tại đồng liên kết ở các mô hình này. Do đó, tác giả sẽ sử dụng mô hình VAR để phân tích mối quan hệ nhân quả Granger trong ngắn hạn giữa các biến trong mô hình 1a, 1b và 2a theo quy trình đã trình bày ở hình 3.1.

- Đối với mô hình 2b có giá trị thống kê F lớn hơn giá trị giới hạn đường bao trên ở tất cả các mức ý nghĩa nên tồn tại đồng liên kết ở các mô hình này. Do đó, tác giả sẽ phân tích mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn giữa các biến ở mô hình 2b bằng mô hình ECM theo quy trình đã trình bày ở hình 3.1.

4.2 Kết phân tích mô hình

Sau khi phân tích chi tiết từng mô hình cụ thể, mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 4.2: Tổng hợp kết quả phân tích

Mối quan hệ trong mô hình	Ngắn hạn	Dài hạn
BSD → GROWTH	✓	∅
GROWTH → BSD	✓	✓
OPE → BSD	✓	✓
OPE → GROWTH	✓	∅
INF → BSD	✓	✓
OPEGROWTH → BSD	✓	✓

INFGROWTH → BSD	✓	✓
-----------------	---	---

*Ghi chú: (✓) là có tác động; (Ø) là không tác động
(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các kết quả phân tích)*

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Trong ngắn hạn tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với lý thuyết tăng trưởng nội sinh và các nghiên cứu trước của Patrick (1966), Levine và Zervos (1988), Hassan và các cộng sự (2011), đó là ủng hộ giả thuyết phản hồi feedback hypothesis).

Trong khi đó, trong dài hạn tồn tại mối quan hệ nhân quả một chiều đi từ tăng trưởng kinh tế đến phát triển ngân hàng. Kết quả nghiên cứu này ủng hộ giả thuyết cầu nối tiếp (demand - following hypothesis) và phù hợp với các nghiên cứu trước của Awdeh (2012), Zang và Kim (2007), Liang và Teng (2006), Ang (2007), Eng và Habibullah (2011), Shan (2001), Waqabaca (2004), Agbetsiafa (2003). Với kết quả nghiên cứu này cho thấy có tồn tại mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam (giả thuyết H₁ của luận án).

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn cho thấy, độ mở thương mại có tác động tích cực đến đến phát triển ngân hàng trong dài hạn. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Rajan và Zingales (2003), Do và Levchenko (2007), Law (2008), Iyke và các cộng sự (2016), Huang và Temple (2005). Tuy nhiên, trong ngắn hạn, độ mở thương mại có tác động ngược chiều đến tín dụng trong nước khu vực tư nhân ở 3 kỳ đầu tiên và tác động ngược chiều đến biên độ chênh lệch lãi suất sau 2 kỳ. Kết quả trong ngắn hạn phù hợp với nghiên cứu trước của Baltagi và các cộng sự (2009). Điều này cho thấy, độ mở thương mại có thể dẫn đến tính dễ bị tổn thương cao hơn đối với những cú sốc bên ngoài (Tornell và cộng sự, 2004; Loayza và Raddatz, 2007). Phát hiện của luận án về việc cùng tồn tại tác động tích cực trong dài hạn và tác

động tiêu cực trong ngắn hạn của độ mở thương mại đến phát triển ngân hàng tại Việt Nam cho thấy, mặc dù độ mở thương mại cản trở sự phát triển ngân hàng trong ngắn hạn nhưng ưu điểm từ việc gia tăng độ mở thương mại cuối cùng dẫn đến phát triển ngân hàng trong thời gian dài. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Kim và cộng sự (2010) khi nghiên cứu trên nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình. Trong khi độ mở thương mại có những tác động đến phát triển ngân hàng trong ngắn hạn và dài hạn, thì kết quả nghiên cứu của luận án còn cho thấy tác động của độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. Qua phân tích hàm phản ứng xung ở mô hình 1a, cho thấy, trong kỳ đầu tiên, độ mở thương mại có tác động thuận chiều đến tăng trưởng kinh tế. Điều này cho thấy rằng nền kinh tế Việt Nam tuân thủ theo lý thuyết tăng trưởng cổ điển và lý thuyết thuyết tăng trưởng nội sinh đó là độ mở thương mại đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Bojanic (2012), Yavari và Mohseni (2012), Muhammad và cộng sự (2012), Shahbaz (2012), Edwards (1991), Iqbal và Zahid (1998), Kim và cộng sự (2012), Kim và Lee (2012), Gopal (2007). Thêm vào đó, nghiên cứu cũng cho thấy độ mở thương mại tương tác với tăng trưởng kinh tế đã góp phần thúc đẩy phát triển ngân hàng trong dài hạn nhưng khá yếu. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở khá cao và tăng lên tương đối nhanh. Đây là kết quả của chính sách mở cửa hội nhập với thế giới trong điều kiện toàn cầu hóa. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng tìm thấy, lạm phát có tác động đến phát triển ngân hàng cả trong ngắn hạn và dài hạn. Cụ thể, trong dài hạn lạm phát có tác động thuận chiều đến biên độ chênh lệch lãi suất còn trong ngắn hạn lạm phát có tác động ngược chiều đến biên độ chênh lệch lãi suất trong tức thời. Thực tế cho thấy, lạm phát và biên độ chênh lệch lãi suất có tương quan với nhau khá chặt chẽ. Nếu tỷ lệ lạm phát cao hơn so với mức lãi suất, việc gửi tiền vào các ngân hàng sẽ hạn chế do đồng tiền mất giá nhanh hơn lãi suất được hưởng, khi đó ngân hàng sẽ điều chỉnh lại mức lãi suất tiền gửi và tiền vay. Tuy nhiên, lạm phát không phải

bao giờ cũng gây nên những tác hại cho nền kinh tế. Do đó, kết quả nghiên cứu của luận án phù hợp với kết quả nghiên cứu của Rajan và Zingales (2003), Do và Levchenko (2007), Law (2008), Iyke và các cộng sự (2016), Huang và Temple (2005).

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy lạm phát tương tác với tăng trưởng cũng tác động đến phát triển ngân hàng trong dài hạn nhưng khá yếu. Khi tốc độ lạm phát vừa phải sẽ là chất xúc tác mang lại một số lợi ích cho nền kinh tế thông qua việc kích thích tiêu dùng, đầu tư, là công cụ giúp Chính phủ kích thích đầu tư vào những lĩnh vực kém ưu tiên thông qua mở rộng tín dụng, giúp phân phối lại thu nhập và các nguồn lực trong xã hội theo các định hướng mục tiêu và trong khoảng thời gian nhất định có chọn lọc.

4.3 Kiểm định tính vững (robustness)

Để kiểm tra tính vững (robustness) của kết quả ARDL, luận án đã sử dụng phương pháp ước lượng FMOLS (Fully Modified Ordinary Least Square) để kiểm tra. Phương pháp FMOLS ban đầu được giới thiệu và phát triển bởi Philips và Hansen (1990) và cung cấp một kết quả ước lượng đáng tin cậy và vững cho những mẫu dữ liệu nhỏ.

Bảng 4.3 : Kết quả kiểm định tính vững bằng phương pháp FMOLS

Biến	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Thông kê t	Mức ý nghĩa
Biến phụ thuộc: GROWTH				
Hệ số ước lượng dài hạn				
CRB	0,1072228	0,1128416	0,95	0,342
IRS	-1,088264	1,102408	-0,99	0,324

(Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả)

Kết quả ước lượng bằng phương pháp FMOLS ở bảng 4.3 cho thấy, tỷ lệ tín dụng trong nước cho khu vực tư nhân và biên độ chênh lệch lãi suất không có ý nghĩa thống kê. Điều này hàm ý rằng, phát triển ngân hàng không tác

động đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Phát hiện này đã khẳng định kết quả của ARDL là vững.

4.4 Kết quả xác định điểm gãy cấu trúc

Để kiểm tra liệu mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam có bị tác động bởi cú sốc bên ngoài hay không bị tác động và vẫn ổn định theo thời gian theo mục tiêu nghiên cứu thứ 2. Luận án tiến hành xác định điểm gãy cấu trúc và kết quả cho thấy:

Bảng 4.4: Kết quả kiểm tra điểm gãy cấu trúc

Chỉ số đại diện phát triển ngân hàng	Năm_Quý xây ra điểm gãy	Kiểm định	Thống kê	Mức ý nghĩa
CRB	2008q3	swald	62,0852	0,0000***
IRS	2008q2	swald	218,3224	0,0000***

*Ghi chú: *** tương ứng với mức ý nghĩa 1%*

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Kết quả phân tích từ bảng 4.3 cho thấy, đã xảy ra điểm gãy vào quý 3 năm 2008 nếu chỉ số làm đại diện phát triển ngân hàng là tỷ lệ tín dụng trong nước cho khu vực tư nhân được cung cấp bởi ngân hàng trên GDP và điểm gãy xảy ra vào quý 2 năm 2008 nếu chỉ số làm đại diện phát triển ngân hàng là biên độ chênh lệch lãi suất. Năm 2008 là năm bùng phát mạnh cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ Mỹ từ năm 2007, sau đó đã lan rộng ra nhiều nước trên thế giới, dẫn tới những đổ vỡ tài chính, suy thoái kinh tế, suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế ở nhiều nước trên thế giới nhất vẫn là hệ thống tài chính, ngân hàng của mỗi nước

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy có tồn tại một cú sốc kinh tế bên ngoài tác động đến mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam (giả thuyết H₂)

4.5 Kết quả hồi quy ngưỡng

Luận án sẽ tiến hành phân tích tìm giá trị ngưỡng của độ mở thương mại và giá trị ngưỡng của lạm phát.

4.5.1 Điểm ngưỡng độ mở thương mại

Bảng 4.5: Kết quả điểm ngưỡng độ mở thương mại

Giá trị ngưỡng OPE	32,86			
GROWTH	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Thống kê t	Mức ý nghĩa
Vùng trước ngưỡng				
dCRB	-0,0345263	0,0436155	-0,79	0,429
IRS	0,1963727	0,1527296	1,29	0,199
C	5,911683	0,6086843	9,71	0,000
Vùng sau ngưỡng				
dCRB	0,0697404	0,02229	3,13	0,002***
IRS	0,5605203	0,1965622	2,85	0,004***
C	5,052212	0,5731792	8,81	0,000

*Ghi chú: *** tương ứng với mức ý nghĩa 1%*

(Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả)

Từ kết quả phân tích ở bảng 4.4 cho thấy, với độ mở thương mại bé hơn 32,86%, phát triển ngân hàng không có tác động đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Tuy nhiên, với vùng trên ngưỡng 32,86% phát triển ngân hàng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Như vậy, tồn tại một giá trị ngưỡng của độ mở thương mại là 32,86% mà trước và sau giá trị

ngưỡng này, tác động của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam có thay đổi (giả thuyết H₃).

4.5.2 Điểm ngưỡng lạm phát

Bảng 4.6: Kết quả điểm ngưỡng lạm phát

Giá trị ngưỡng INF	9,19			
GROWTH	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Thống kê t	Mức ý nghĩa
Vùng trước ngưỡng				
dCRB	0,0868454	0,0260892	3,33	0,001***
IRS	0,1441337	0,1153604	1,25	0,212
C	6,216487	0,376532	16,51	0,000
Vùng sau ngưỡng				
dCRB	-0,0219538	0,0288704	-0,76	0,447
IRS	1,224716	0,2932326	4,18	0,000***
C	2,594127	0,9682877	2,68	0,007

*Ghi chú: *** tương ứng với mức ý nghĩa 1%*

(Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả)

Từ kết quả phân tích ở bảng 4.5 cho thấy, phát triển ngân hàng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua tín dụng trong nước cho khu vực tư nhân khi tỷ lệ lạm phát dưới 9,19%. Và ngược lại, với tỷ lệ lạm phát trên ngưỡng 9,19% tìm thấy sự tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua biên độ chênh lệch lãi suất ở mức ý nghĩa 1%. Như vậy, tồn tại một giá trị ngưỡng của lạm phát là 9,19% mà trước và sau giá trị ngưỡng này, tác động của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam có thay đổi (giả thuyết H₄).

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.1 Kết luận

Kết quả thực nghiệm của luận án đã trả lời được cho ba câu hỏi nghiên cứu tương ứng đạt được ba mục tiêu cụ thể, đó là:

Thứ nhất, tồn tại mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam.

Thứ hai, tồn tại của một cú sốc kinh tế bên ngoài tác động đến mối quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam vào năm 2008.

Thứ ba, tồn tại một giá trị ngưỡng của độ mở thương mại là 32,86% và ngưỡng của lạm phát là 9,19% mà trước và sau giá trị ngưỡng này, tác động của phát triển ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam có thay đổi.

Từ kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất một số hàm ý chính sách thúc đẩy phát triển ngân hàng và tăng cường độ mở thương mại đi kèm với kiểm soát lạm phát để phát huy tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

5.2 Hàm ý chính sách

5.2.1 Hàm ý chính sách phát triển ngân hàng

5.2.1.1 Hoàn thiện chính sách tín dụng để tạo thuận lợi cho kinh tế khu vực tư nhân thuộc lĩnh vực sản xuất tiếp cận vốn vay

Trong những năm qua, khu vực kinh tế tư nhân đã góp phần tạo nên sự chuyển mình năng động của nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế tư nhân đã có những bước tiến đột phá và đi đầu trong nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trong quá trình hội nhập kinh tế. Tốc độ tăng trưởng khu vực kinh tế tư nhân luôn được duy trì chiếm tỷ trọng khoảng 40% GDP, thu hút khoảng 85% lực lượng lao động của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân và trong việc huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Do đó, phát triển khu vực kinh tế tư nhân cũng chính là tạo điều kiện để giải phóng các nguồn lực phát triển trong xã hội. Như vậy, khi ngân hàng hoàn thiện và mở rộng chính sách tín dụng để tài trợ vốn cho khu vực kinh tế tư nhân sẽ giúp ngân hàng vừa đạt mục

tiêu kinh doanh vừa tạo điều kiện cho việc phân bổ vốn hiệu quả trong nền kinh tế.

5.2.1.2 Đẩy mạnh số hoá các hoạt động ngân hàng

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm thay đổi diện mạo ngân hàng trong nước và thế giới. Số hoá các hoạt động ngân hàng không những bắt buộc mà còn là xu hướng chung của thế giới hiện nay. Số hóa các hoạt động ngân hàng là việc sử dụng các công nghệ để cải tiến dịch vụ ngân hàng một cách hiệu quả nhằm phát triển ngân hàng trong môi trường toàn cầu hoá. Khác với hình thức ngân hàng truyền thống, làn sóng công nghệ đã tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong phương thức thanh toán, sử dụng các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng, cho phép khách hàng thực hiện hầu hết các giao dịch ngân hàng thông thường qua mạng Internet. Đồng thời giúp các ngân hàng có thể cạnh tranh với các công ty Fintech.

5.2.1.3 Đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng

Toàn cầu hóa và độ mở thương mại là những thách thức đối với hệ thống ngân hàng mại không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các quốc gia khác nhau. Các ngân hàng thương mại phải đảm bảo được giữa lợi nhuận mang lại từ hoạt động kinh với việc duy trì mức độ an toàn trong hoạt động theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước thường xuyên tăng cường thanh tra giám sát và có những chế tài cụ thể và đủ mạnh nhằm làm lành mạnh môi trường đầu tư, cho vay của chính các ngân hàng. Đồng thời, các ngân hàng thương mại phải xây dựng qui trình kiểm soát và quản lý thanh khoản nhằm đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ thanh toán đến hạn, đảm bảo an toàn trong hoạt động, giảm thiểu rủi ro thanh khoản. Tạo một hành lang pháp lý mang tính kỹ luật cao để các ngân hàng tuân thủ nhằm hướng đến sự phát triển bền vững trong điều kiện ngày càng hội nhập toàn cầu.

5.2.2 Hàm ý chính sách mở rộng độ mở thương mại

Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở lớn nên tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng, tiếp cận thị trường toàn cầu và là

cơ hội để Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, độ mở thương mại là chất xúc tác quan trọng để phát triển ngân hàng có những tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Và khi nền kinh tế có độ mở thương mại cao hơn 32,86%GDP (theo quý) thì phát triển ngân hàng có những tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, để phát huy những tác động tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát những tác động tiêu cực của việc mở rộng độ mở thương mại, luận án đề xuất các hàm ý chính sách mở rộng độ mở thương mại như sau:

✓ *Đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu:*

- Nói lỏng quy định cho vay bằng ngoại tệ để các doanh nghiệp xuất khẩu thuận lợi hơn trong việc giải quyết nhu cầu vốn nhằm mở rộng, phát triển kinh doanh hiệu quả.

- Đẩy mạnh việc xúc tiến các chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước từ các nước phát triển. Từ đó khuyến khích các doanh nghiệp trong nước áp dụng cải tiến đổi mới công nghệ trong sản xuất để gia tăng năng suất tối ưu nhằm tìm ra các sản phẩm có lợi thế so sánh, có lợi thế cạnh tranh.

- Tiếp tục cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng giảm hàm lượng xuất khẩu thô và tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, chế tạo để Việt Nam từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- Tiếp tục tăng cường thúc đẩy hợp tác, mở rộng thương mại với các nước nhất là các thị trường trọng điểm và đặc biệt cần có các chính sách nhằm thu hút các tập đoàn kinh tế đa quốc gia dịch chuyển đầu tư vào Việt Nam ở các lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu có tiềm năng.

- Nâng cao chất lượng dự báo cho thị trường ở các nước để nhanh chóng có những giải pháp hiệu quả và kịp thời cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.

✓ *Đề xuất các giải pháp kiểm soát nhập khẩu:*

- Giám định chặt chẽ hàng nhập khẩu nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng để sản xuất và lưu thông trên thị trường nội địa. Khuyến khích nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng thiết yếu.

- Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nước, các mặt hàng phụ trợ cho sản xuất tiêu dùng, sản xuất hàng hóa có thể thay thế hàng nhập khẩu.

- Việc kiểm soát nhập khẩu để giảm nhập siêu cần có sự hợp tác, chung tay của từng cá nhân, tổ chức trong nước. Bởi vì khi tham gia hội nhập, giao thương hàng hóa với các nước thì phải cam kết mở cửa thị trường, đó là luật chơi công bằng của việc hội nhập quốc tế nên việc kiểm soát nhập khẩu bằng những hàng rào kỹ thuật hay thuế quan cũng không thể lạm dụng được, không thể liên tục tăng thuế nhập khẩu cũng như không thể cấm nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng từ các nước.

5.2.3 Hàm ý định hướng chính sách lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

- Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt trên cơ sở bám sát diễn biến tình hình kinh tế trong nước và thế giới.

- Tạo dựng những điều kiện cần thiết để điều hành lãi suất theo hướng tự do hóa lãi suất để đảm bảo sự vận hành của thị trường tuân theo qui luật cung cầu, phân bổ nguồn vốn hợp lý.

5.2.4 Xây dựng kịch bản ứng phó với các cú sốc và những bất ổn tài chính, thương mại bên ngoài

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng có độ mở thương mại rất lớn, thậm chí nằm trong số những quốc gia có độ mở lớn nhất thế giới. Mặc dù, độ mở thương mại chỉ thể hiện quy mô tương đối của khu vực ngoại thương trong một nền kinh tế, được đo lường bằng chỉ tiêu tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GDP nhưng việc phụ thuộc quá nhiều vào xuất nhập khẩu làm cho nền kinh tế trở nên mong manh trước các cú sốc đến từ bên ngoài. Những quốc gia có độ mở thương mại cao sẽ chịu nhiều ảnh hưởng hơn khi thị trường thế

giới biến động, sẽ chịu nhiều tác động tiêu cực hơn trước các cú sốc kinh tế toàn cầu. Thực tế cho thấy, sự biến động của thị trường ở các quốc gia đang phát triển nói chung và của Việt Nam nói riêng luôn cao hơn so với các nước phát triển nên khi thị trường các nước phát triển xảy ra cuộc khủng hoảng thì dẫn đến các nước đang phát triển sẽ bị ảnh hưởng. Đây là hiệu ứng lây lan trong thị trường toàn cầu. Vì vậy, cần phải xây dựng kịch bản ứng phó linh hoạt và chủ động khi có những cú sốc từ bên ngoài.

5.3 Hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu trong tương lai

Trên đây là một số hàm ý chính sách được đề xuất dựa trên kết quả nghiên cứu của luận án. Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án cũng không tránh khỏi mặt hạn chế đó là việc tiếp cận dữ liệu đo lường phát triển ngân hàng theo hướng tiếp cận tài chính và theo hướng ổn định tài chính tại Việt Nam bị hạn chế. Vì vậy, về mặt định lượng, nghiên cứu chưa phân tích được phát triển ngân hàng theo hướng tiếp cận tài chính và theo hướng ổn định tài chính, mà chỉ mới dừng lại ở việc phân tích hai chỉ tiêu đo lường này ở góc độ định tính. Do đó, đây cũng là hướng nghiên cứu mở rộng cho tác giả sau này khi khắc phục được khó khăn trong việc tiếp cận số liệu.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

Tạp chí quốc tế

1. **Nguyen Thi Hong Anh**, Tran Huy Hoang & Huynh Quang Linh (2020). Banking Development – Growth Nexus In Vietnam: An Application Of The ARDL Approach. *Test Engineering and Management*. Vol. 83.
2. **Nguyen Thi Hong Anh** (2020). The role of commercial banks on economic growth in Vietnam. *Accounting*. Vol. 6.
3. Tran Huy Hoang & **Nguyen Thi Hong Anh** (2020). Banking development, economic growth, trade openness and inflation: Evidence from Vietnam. *Test Engineering and Management*. Vol. 83.

Tạp chí trong nước

1. Trần Huy Hoàng, Huỳnh Quang Linh & **Nguyễn Thị Hồng Ánh** (2020). Tác động của phát triển ngân hàng, tăng trưởng kinh tế đến độ mở thương mại và lạm phát tại Việt Nam. *Tạp chí công thương*, số 14, tháng 6/2020.
2. **Nguyễn Thị Hồng Ánh** (2020). Ứng dụng mô hình FEM và REM để kiểm định vai trò phát triển ngân hàng thương mại đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. *Tạp chí phát triển và hội nhập*, số 50, tháng 1 và 2/2020.
3. Trần Huy Hoàng & **Nguyễn Thị Hồng Ánh** (2019). Mối Quan hệ giữa phát triển ngân hàng và tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và đào tạo ngân hàng*, số 210, tháng 11/2019.